

TỜ TRÌNH

**Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Thống kê**

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Nghị quyết số 17/2021/QH15 của Quốc hội khóa XV về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021 và Thông báo số 155/TB-TTKQH ngày 20/9/2021 của Tổng Thư ký Quốc hội về Kết luận số 01 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 3, tháng 9/2021, Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ

1. Về sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia

Tại Tờ trình Quốc hội số 322/TTr-CP ngày 06/9/2021, Chính phủ đã trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê với phạm vi điều chỉnh của Luật là chỉ sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia căn cứ Điều 18 Luật Thống kê về điều chỉnh, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia và xuất phát từ thực tiễn nhằm bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời phản ánh tình hình mới, bối cảnh mới phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Chính phủ đã nghiên cứu và đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Điều 18 Luật Thống kê quy định về điều chỉnh, bổ sung Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia: *“Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu quản lý nhà nước và hội nhập quốc tế trong từng thời kỳ, Chính phủ rà soát, trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia theo thủ tục rút gọn”*.

Mục đích sửa đổi, bổ sung Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia nhằm tạo cơ sở pháp lý để thực hiện kịp thời việc thu thập, tổng hợp và bảo đảm số liệu thống kê phản ánh khách quan, chính xác, kịp thời, đầy đủ, thống nhất, phục vụ Đảng,

Nhà nước trong hoạch định đường lối, chính sách và điều hành phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy sự tăng trưởng.

Chỉ tiêu thống kê được sửa đổi, bổ sung bảo đảm cung cấp thông tin kinh tế - xã hội ở tầm vĩ mô (tầm quốc gia); phản ánh, đánh giá thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; chính sách về phát triển bền vững; Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tập trung vào các nhóm chuyển đổi số, kinh tế số; kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển kinh tế bao trùm; nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics; giới và bình đẳng giới; quan hệ hội nhập quốc tế, cam kết quốc tế của Việt Nam,...

2. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê

Tại Tờ trình Quốc hội số 322/TTr-CP ngày 06/9/2021, Chính phủ chưa đặt ra việc sửa đổi toàn diện hoặc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê hiện hành. Quá trình triển khai xây dựng, các Bộ, ban, ngành đã phối hợp rất chặt chẽ và thống nhất cao về việc tập trung sửa Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến tại Thông báo số 155/TB-TTKQH ngày 20/9/2021 của Tổng Thư ký Quốc hội về Kết luận số 01 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 3, tháng 9/2021, Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê.

Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với nhiều ý kiến xác đáng, tuy nhiên, các vấn đề đặt ra rất lớn, phức tạp, đòi hỏi phải có thời gian nghiên cứu cũng như đánh giá thực tiễn trong nước và quốc tế. Do đó, trên nguyên tắc và phương pháp thống kê đã được quốc tế công nhận, các quy định của Luật Thống kê, các Luật chuyên ngành có liên quan, khả năng có thể tính toán các chỉ tiêu thống kê do các Bộ, ngành đề xuất và thực tiễn triển khai của các quốc gia khác trên thế giới, Chính phủ đã nghiên cứu và đề nghị chỉ tập trung sửa đổi những nội dung lớn, đã rõ và thực hiện được ngay bảo đảm kịp thời cung cấp thông tin sát thực với tình hình phát triển của đất nước, phản ánh thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam trong thời kỳ mới.

Đồng thời, để có số liệu, thông tin thống kê phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, điều hành, Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung 03 nội dung lớn nhằm làm rõ quy trình biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia; không ảnh hưởng, tác động đến các nội dung trong các điều, khoản khác của Luật Thống kê hiện hành, cụ thể như sau:

(1) Bổ sung quy định về việc giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành và địa phương trình Chính phủ ban hành quy trình biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP) và chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP).

(2) Bổ sung quy định về việc định kỳ 05 năm rà soát về việc đánh giá lại quy mô Tổng sản phẩm trong nước báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội.

(3) Sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền công bố thông tin của người đứng đầu cơ quan thống kê cấp tỉnh đối với thông tin thống kê của chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh là phân tử của chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Lý do đề xuất:

(1) GDP, GRDP là những chỉ tiêu quan trọng nhất phản ánh thực trạng kinh tế của một quốc gia và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trên thực tiễn, quy trình này đã được kiểm nghiệm; khắc phục được tình trạng chênh lệch số liệu GDP và GRDP giữa Trung ương với địa phương; chất lượng số liệu được nâng cao; bảo đảm kỳ hạn biên soạn và công bố số liệu GDP và GRDP theo quy định; nâng cao trách nhiệm và sự phối hợp giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ, ngành và địa phương trong việc biên soạn và công bố số liệu GDP, GRDP; bảo đảm tính đồng bộ và hệ thống, tính kết nối ở các khâu của quy trình; bảo đảm tính phù hợp giữa số liệu GDP, GRDP và các chỉ tiêu khác có liên quan như: Giá trị sản xuất (GO), chi phí trung gian (IC), giá trị tăng thêm (VA), chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP), xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, thuế sản xuất và các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô khác.

(2) Quy trình biên soạn GDP, GRDP là quy trình mang tính kỹ thuật chuyên sâu, vì vậy Luật sửa đổi, bổ sung chỉ nên quy định trách nhiệm của Chính phủ trong việc ban hành và thực hiện. Chính phủ ban hành quy trình này sẽ làm rõ trách nhiệm của cơ quan thống kê Trung ương và cơ quan thống kê cấp tỉnh, cũng như trách nhiệm phối hợp của thống kê Bộ, ngành liên quan đến việc cung cấp và sử dụng các thông tin thống kê cho công tác biên soạn và đánh giá lại quy mô GDP, GRDP thường xuyên và định kỳ.

(3) Việc luật hóa các quy định trên sẽ tăng cường hiệu lực pháp lý; hiệu quả trong thu thập, tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê; bảo đảm tính khả thi, minh bạch trong biên soạn, công bố GDP, GRDP.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ

Sau cuộc họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tiến hành tổng kết 05 năm thực hiện Luật Thống kê; tổ chức các hội thảo trực tuyến với các Bộ, ngành liên quan để lấy ý kiến về dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê; hội thảo với các chuyên gia kinh tế, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu về các chủ đề liên quan đến dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê; nghiên cứu Luật Thống kê một số nước quy định danh mục chỉ tiêu thống kê như: Singapore, Nhật Bản, Mông Cổ, New Zealand, Canada, Thụy Điển.

III. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ

1. Mục tiêu

- a) Cung cấp thông tin thống kê chính xác, khách quan, kịp thời, phản ánh đúng, đầy đủ tình hình kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn 2021-2030;
- b) Giúp phân tích, hoạch định và điều hành chính sách vĩ mô;
- c) Xây dựng cơ sở pháp lý để thu thập các chỉ tiêu thống kê quốc gia;
- d) Bảo đảm yêu cầu so sánh quốc tế trong các lĩnh vực.

2. Quan điểm

Việc sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thống kê quốc gia phải tuân thủ theo những nguyên tắc sau:

- Thứ nhất, thể chế hóa các đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác thống kê;
- Thứ hai, phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước, phục vụ các cơ quan, lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII;
- Thứ ba, bảo đảm kế thừa, phát huy hiệu quả những quy định mang tính ưu việt trong Luật Thống kê; khắc phục hạn chế, bất cập và bổ sung những quy định phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước;
- Thứ tư, bảo đảm tính khả thi khi Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung được ban hành, áp dụng thuận lợi trong thực tiễn;
- Thứ năm, khẳng định và nâng cao vai trò của hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê nhà nước, bảo đảm phù hợp với thực tiễn thống kê Việt Nam và các nguyên tắc hoạt động thống kê chính thức của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc; bảo đảm so sánh quốc tế.

IV. NỘI DUNG LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ

1. Phạm vi sửa đổi, bổ sung

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 17 về: (1) Quy trình biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP) và chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP); (2) Rà soát về việc đánh giá lại quy mô Tổng sản phẩm trong nước báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội.
- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 48 về công bố thông tin thống kê của chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh là phân tổ của chỉ tiêu thống kê quốc gia.
- Thay thế Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê số 89/2015/QH13 bằng Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật này.

2. Đối tượng áp dụng

Giữ nguyên đối tượng áp dụng của Luật Thống kê số 89/2015/QH13: Áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, thực hiện hoạt động thống kê và sử dụng thông tin thống kê.

3. Kết cấu, nội dung của Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung

a) Kết cấu gồm 3 điều

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê số 89/2015/QH13

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 17 như sau:

“6. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành và địa phương:

a) Trình Chính phủ ban hành nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hướng dẫn, kiểm tra tình hình và báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

b) Định kỳ 05 năm rà soát về việc đánh giá lại quy mô Tổng sản phẩm trong nước báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 48 như sau:

“d) Người đứng đầu cơ quan thống kê cấp tỉnh công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Đối với thông tin thống kê của chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh là phân tổ của chỉ tiêu thống kê quốc gia phải thống nhất với cơ quan thống kê Trung ương trước khi công bố”.

Điều 2. Ban hành kèm theo Luật này Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia thay thế Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê số 89/2015/QH13.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ...

2. Điều khoản chuyển tiếp

Chương trình điều tra thống kê quốc gia, chế độ báo cáo thống kê quốc gia theo quy định của Luật Thống kê số 89/2015/QH13 được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.

b) Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia

(1) Nguyên tắc xây dựng, lựa chọn chỉ tiêu thống kê quy định trong Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia

- Một là, chỉ tiêu thống kê được lựa chọn quy định tại danh mục phải phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước, phục vụ các cơ quan, lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phản ánh,

lượng hóa việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là những chủ trương, chính sách trong bối cảnh mới. Đó là những thông tin, số liệu về kinh tế - xã hội chủ yếu ở tầm quốc gia.

- Hai là, chỉ tiêu thống kê được lựa chọn quy định tại danh mục phải bảo đảm tính khả thi - tức là chỉ tiêu thống kê phải thu thập, tổng hợp và biên soạn được trên thực tiễn. Nguyên tắc này đòi hỏi phải: (i) Bảo đảm kế thừa, phát huy hiệu quả những quy định mang tính ưu việt trong Luật Thống kê; (ii) bảo đảm thống nhất, tương thích và tính so sánh quốc gia, giữa các vùng miền nhưng vẫn đáp ứng được các điều kiện thực tiễn; (iii) bảo đảm thống nhất với các hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các hệ thống chỉ tiêu thống kê đa ngành, đa lĩnh vực và liên kết vùng.

- Ba là, chỉ tiêu thống kê được lựa chọn quy định tại danh mục phải bảo đảm so sánh quốc tế; phù hợp với thực tiễn thống kê và tuân thủ các nguyên tắc hoạt động thống kê chính thức của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc.

(2) Kết cấu Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia

Kết cấu Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia gồm 3 cột: (1) Số thứ tự; (2) mã số; (3) nhóm, tên chỉ tiêu với 20 nhóm và 222 chỉ tiêu, cụ thể như sau:

- Nhóm 01. Đất đai, dân số: 14 chỉ tiêu;
- Nhóm 02. Lao động, việc làm và bình đẳng giới: 12 chỉ tiêu;
- Nhóm 03. Doanh nghiệp, cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp: 06 chỉ tiêu;
- Nhóm 04. Đầu tư và xây dựng: 09 chỉ tiêu;
- Nhóm 05. Tài khoản quốc gia: 17 chỉ tiêu;
- Nhóm 06. Tài chính công: 10 chỉ tiêu;
- Nhóm 07. Tiền tệ, bảo hiểm và chứng khoán: 23 chỉ tiêu;
- Nhóm 08. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: 14 chỉ tiêu;
- Nhóm 09. Công nghiệp: 08 chỉ tiêu;
- Nhóm 10. Thương mại, dịch vụ: 10 chỉ tiêu;
- Nhóm 11. Chỉ số giá: 09 chỉ tiêu;
- Nhóm 12. Giao thông vận tải: 10 chỉ tiêu;
- Nhóm 13. Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông: 23 chỉ tiêu;
- Nhóm 14. Khoa học và công nghệ: 06 chỉ tiêu;
- Nhóm 15. Giáo dục: 04 chỉ tiêu;
- Nhóm 16. Y tế và chăm sóc sức khỏe: 09 chỉ tiêu;
- Nhóm 17. Văn hóa, thể thao và du lịch: 08 chỉ tiêu;
- Nhóm 18. Mức sống dân cư: 08 chỉ tiêu;

- Nhóm 19. Trật tự, an toàn xã hội và tư pháp: 10 chỉ tiêu;

- Nhóm 20. Bảo vệ môi trường: 12 chỉ tiêu.

Nội dung chỉ tiêu thống kê gồm: Khái niệm, phương pháp tính; phân tổ chủ yếu; kỳ công bố; nguồn số liệu của chỉ tiêu thống kê và cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp sẽ được quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn Tổng sản phẩm trong nước, Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tài liệu kèm theo hồ sơ dự án Luật).

(3) Một số thay đổi so với Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia kèm theo Tờ trình số 322/TTr-CP

- Sửa tên nhóm “13. Công nghệ thông tin và truyền thông” thành “13. Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông” để bảo đảm phản ánh đầy đủ phạm vi theo các lĩnh vực trong nhóm: Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông.

- Gộp chỉ tiêu “Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ” vào chỉ tiêu “Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo” đồng thời bổ sung phân tổ “Có bằng, chứng chỉ/không có bằng, chứng chỉ”; phân tổ này được quy định trong Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn Tổng sản phẩm trong nước và Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tách chỉ tiêu “Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường” thành 02 chỉ tiêu “Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường” và “Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường”.

- Bổ sung 07 chỉ tiêu:

+ Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác;

+ Quy mô thị trường trái phiếu so với tổng sản phẩm trong nước;

+ Tốc độ tăng quy mô thị trường trái phiếu;

+ Tổng giá trị phát hành trái phiếu;

+ Doanh thu dịch vụ nền tảng số và kinh doanh trực tuyến;

+ Số sinh viên đại học trên mười nghìn dân;

+ Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ PM2,5 và PM10 trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên.

- Sửa tên 07 chỉ tiêu:

+ Chỉ tiêu “Năng suất lao động xã hội” thành “Năng suất lao động”;

+ Chỉ tiêu “Tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp” sửa thành “Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp”;

+ Chỉ tiêu “Số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp” sửa thành “Số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp”;

+ Chỉ tiêu “Thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp” sửa thành “Thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp”;

+ Chỉ tiêu “Số lượng và công suất tàu thuyền có động cơ khai thác hải sản” sửa thành “Số lượng tàu khai thác thủy sản biển có động cơ”;

+ Chỉ tiêu “Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn Việt Nam” sửa thành “Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn”;

+ Chỉ tiêu “Số vụ cứu nạn, cứu hộ; số người cứu được, số thi thể nạn nhân tìm được và số tài sản cứu được” sửa thành “Số vụ sự cố, số vụ tai nạn, số người cứu được, số thi thể nạn nhân tìm được trong hoạt động của lực lượng phòng cháy và chữa cháy”.

(4) So với danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê số 89/2015/QH13, danh mục chỉ tiêu thống kê lần này có một số thay đổi như sau:

*** Về nhóm chỉ tiêu**

Sửa tên 03 nhóm chỉ tiêu, cụ thể:

- Nhóm “07. Tiền tệ và bảo hiểm” sửa tên thành “07. Tiền tệ, bảo hiểm và chứng khoán” do bổ sung các chỉ tiêu về chứng khoán.

- Nhóm “11. Giá cả” sửa tên thành “11. Chỉ số giá” vì nhóm này gồm các chỉ số giá.

- Nhóm “13. Công nghệ thông tin và truyền thông” sửa tên thành “13. Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông” để bảo đảm phản ánh đầy đủ phạm vi theo các lĩnh vực trong nhóm: Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông.

*** Về chỉ tiêu**

- Giữ nguyên: 129 chỉ tiêu thống kê do vẫn còn phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm tính khả thi và bảo đảm phản ánh được tình hình kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

- Sửa tên: 46 chỉ tiêu thống kê để phù hợp tình hình thực tế và văn bản pháp luật chuyên ngành đồng thời bảo đảm so sánh quốc tế.

- Bổ sung: 47 chỉ tiêu thống kê để phản ánh, đánh giá một số chính sách pháp luật, mục tiêu đường lối đổi mới, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Quốc hội, Chính phủ được ban hành trong thời gian gần đây, như: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030,...

- Bỏ: 11 chỉ tiêu thống kê do không còn phù hợp với thực tế, không bảo đảm tính khả thi hoặc đã có trong nội dung của chỉ tiêu thống kê khác.

(Chi tiết theo “Phụ lục 1 - Danh mục thể hiện chi tiết việc sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thống kê quốc gia” đính kèm).

(5) Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã cập nhật, phản ánh, đánh giá một số chính sách pháp luật, mục tiêu đường lối đổi mới trong thời gian gần đây, cụ thể như sau:

- 18 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá thực hiện nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

- 17 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030;

- 55 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá thực hiện nội dung về phát triển bền vững;

- 23 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá việc thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tập trung vào các nhóm chuyển đổi số, kinh tế số;

- 12 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá thực hiện nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics;

- 26 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá về giới và bình đẳng giới.

(6) Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã cập nhật, quy định các chỉ tiêu thống kê phản ánh quan hệ hội nhập quốc tế, phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam, cụ thể như sau:

- 10 chỉ tiêu thống kê tương ứng với các chỉ tiêu thống kê giới ở cấp độ toàn cầu;

- 34 chỉ tiêu thống kê tương ứng với các chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững ở cấp độ toàn cầu (SDG);

- 29 chỉ tiêu thống kê tương ứng với các chỉ tiêu thống kê cấp độ ASEAN;

- 05 chỉ tiêu thống kê thuộc bộ chỉ tiêu phát triển công nghệ thông tin và truyền thông toàn cầu (IDI);

- 03 chỉ tiêu thống kê thuộc bộ chỉ tiêu đánh giá Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới.

(7) Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã cập nhật các chỉ tiêu thống kê phản ánh, dự báo, đo lường sự phát triển của kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển kinh tế bao trùm, cụ thể như sau:

- 24 chỉ tiêu thống kê phản ánh kinh tế xanh, tăng trưởng xanh;

- 05 chỉ tiêu thống kê phản ánh kinh tế tuần hoàn;

- 07 chỉ tiêu thống kê phản ánh kinh tế bao trùm.

(8) Ngoài ra, danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã cập nhật, quy định các chỉ tiêu thống kê về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu; các chỉ tiêu thống kê phản ánh liên kết vùng và nhóm yếu thế

- 12 chỉ tiêu thống kê về môi trường và biến đổi khí hậu.
- 130 chỉ tiêu thống kê phản ánh liên kết vùng (chỉ tiêu có phân tổ theo vùng).
- 11 chỉ tiêu thống kê liên quan đến trẻ em.

(Chi tiết theo “Phụ lục 2 - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh chính sách, pháp luật trong thời gian gần đây” đính kèm).

Hồ sơ dự án Luật gửi kèm theo Tờ trình gồm:

- (1) Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê;
- (2) Công văn của Bộ Tư pháp về dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê;
- (3) Báo cáo đánh giá tác động Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê;
- (4) Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Luật Thống kê 2015;
- (5) Báo cáo rà soát văn bản;
- (6) Bảng tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức;
- (7) Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn tổng sản phẩm trong nước, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (8) Bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức.

Trên đây là Tờ trình Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê.

Chính phủ trình Quốc hội xem xét và cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- TTg, các PTTg (để b/c);
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg; các Vụ: PL, TH, KTTH, QHĐP;
- Lưu VT, PL (3). 65

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**



(Signature)
Nguyễn Chí Dũng

Phụ lục I

DANH MỤC THỂ HIỆN CHI TIẾT VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHỈ TIÊU THÔNG KÊ QUỐC GIA

(Kèm theo Tờ trình số: 378/TT-CP ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ)

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
		222			129	46	47	11	
		01. Đất đai, dân số							
1	0101	Diện tích và cơ cấu đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường		x				
2	0102	Dân số, mật độ dân số	Tổng cục Thống kê		x				
3	0103	Tỷ số giới tính khi sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Y tế		x				
4	0104	Tỷ suất sinh thô	Tổng cục Thống kê		x				
5	0105	Tổng tỷ suất sinh	Tổng cục Thống kê		x				
6	0106	Tỷ suất chết thô	Tổng cục Thống kê		x				
7	0107	Tỷ lệ tăng dân số	Tổng cục Thống kê		x				
8	0108	Tỷ suất nhập cư, xuất cư, tỷ suất di cư thuần	Tổng cục Thống kê		x				
9	0109	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tổng cục Thống kê		x				
10	0110	Tỷ lệ người khuyết tật	Tổng cục Thống kê		x				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
11	0111	Số cuộc kết hôn và tuổi kết hôn trung bình lần đầu	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp		×				
12	0112	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Y tế.		×				
13	0113	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử	- Chủ trì: Bộ Tư pháp; - Phối hợp: Bộ Công an, Bộ Y tế.		×				
14		Tỷ lệ đô thị hóa	Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng			×		Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, định hướng các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 quy định tỷ lệ đô thị hóa khoảng 45%
		02. Lao động, việc làm và bình đẳng giới							
15	0201	Lực lượng lao động	Tổng cục Thống kê		×				
16	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
17	0203	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	- Tổng cục Thống kê; - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội		×				Nội dung chỉ tiêu gồm: "Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo" và "Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ"
18	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê		×				
19	0205	Tỷ lệ thiếu việc làm	Tổng cục Thống kê		×				
20		Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê			×		- Cùng với 2 chỉ tiêu "Tỷ lệ thất nghiệp", "Tỷ lệ thiếu việc làm" để phản ánh đầy đủ hơn chất lượng lực lượng lao động của Việt Nam - Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về phát triển bền vững

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
21	0206	Năng suất lao động xã hội Năng suất lao động	Tổng cục Thống kê	Quốc hội		×			- Theo khái niệm của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) “Năng suất lao động (Labour productivity) là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng gắn liền với tăng trưởng kinh tế, khả năng cạnh tranh và mức sống của quốc gia. Năng suất lao động thể hiện tổng sản lượng (tính theo Tổng sản phẩm quốc nội, GDP) được tạo ra trên một đơn vị lao động (tính theo số lượng người có việc làm) trong một khoảng thời gian tham chiếu nhất định (thường là 1 năm) - Như vậy,, chỉ tiêu “Năng suất lao động xã hội” có nội dung đồng nhất khái niệm “Năng suất lao động của ILO” nên Tổng cục Thống kê tiếp thu sửa tên “Năng suất lao động xã hội” thành “Năng suất lao động” (Labour productivity) để phù hợp với khái niệm, tên chỉ tiêu quốc tế

Stt	Mã số QG 2015	Chi tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
22	0207	Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc	Tổng cục Thống kê		x				
23	0208	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng	Ban Tổ chức Trung ương Đảng		x				
24	0209	Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	Văn phòng Quốc hội		x				
25	0210	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân	Bộ Nội vụ		x				
26	0211	Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền Tỷ lệ cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ	Bộ Nội vụ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.	Tổng cục Thống kê		x			Ngهی quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ
		03. Doanh nghiệp, cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp							
27	0301	Số cơ sở, lao động trong các cơ sở kinh tế, sự nghiệp Số cơ sở, số lao động trong các cơ sở kinh tế	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		x			Phù hợp với tình hình thực tế

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
28	0302	Số cơ sở, lao động trong các cơ sở hành chính Số cơ sở, số lao động trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp	Bộ Nội vụ	Tổng cục Thống kê		×			Phù hợp với tình hình thực tế
29	0303	Số hộ, lao động kinh tế cá thể nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản Số hộ, số lao động kinh tế cá thể tham gia hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		×			Phù hợp với tình hình thực tế
30	0304	Số doanh nghiệp, vốn, lao động, thu nhập, lợi nhuận của doanh nghiệp Số doanh nghiệp, lao động, nguồn vốn, tài sản, doanh thu, thu nhập, lợi nhuận của doanh nghiệp	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tài chính.	Tổng cục Thống kê		×			Thống kê đầy đủ các chỉ tiêu quan trọng về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
	0305	Giá trị tăng thêm trên 01 đồng giá trị tài sản cố định của doanh nghiệp	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê				×	- Chỉ tiêu này không có nhiều ý nghĩa đối với toàn bộ nền kinh tế, ngoại trừ một số ít ngành như: công nghiệp, xây dựng, hàng không. - Không có đủ nguồn thông tin để tính giá trị tăng thêm của doanh nghiệp.
31	0306	Trang bị tài sản cố định bình quân một lao động của doanh nghiệp	Tổng cục Thống kê		×				
32	0307	Tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp	Tổng cục Thống kê	Kiểm toán Nhà nước		×			Sửa tên để phản ánh đúng nội dung chỉ tiêu
		04. Đầu tư và xây dựng							
33	0401	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Tài chính		×				
34	0402	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
35	0403	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR)	Tổng cục Thống kê		x				
36	0404	Năng lực mới tăng của nền kinh tế. Năng lực mới tăng chủ yếu của nền kinh tế	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		x			Tập trung thống kê đầy đủ năng lực sản xuất với quy mô lớn, quan trọng trong các ngành kinh tế được tạo mới và tăng thêm của các dự án đầu tư đã hoàn thành và đưa vào khai thác hoạt động trong kỳ báo cáo
37	0405	Diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Xây dựng.		x				
38	0406	Số lượng nhà ở, tổng diện tích nhà ở hiện có và sử dụng	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Xây dựng.		x				
39	0407	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Xây dựng.		x				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
40		Tổng diện tích nhà ở theo dự án hoàn thành trong năm	- Chủ trì: Bộ Xây dựng - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Xây dựng			×		Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản
41		Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm	- Chủ trì: Bộ Xây dựng - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Xây dựng			×		Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản
		05. Tài khoản quốc gia							
42	0501	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	Tổng cục Thống kê		×				
43	0502	Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		×				
44	0503	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
	0504	Tổng sản phẩm trong nước xanh (GDP-xanh)	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê				×	- Số liệu công bố chỉ tiêu này trên các trang Web của các tổ chức quốc tế có uy tín như WB, IMF, OECD vẫn còn thiếu vắng - Trong khoảng 5 năm tới Việt Nam chưa thể đủ nguồn lực để tính chính thức chỉ tiêu này. Chỉ có một số quốc gia phát triển trên thế giới mới có nghiên cứu, lập tài khoản SESA và tính toán chỉ tiêu GDP xanh như Hà Lan, Mỹ
45	0505	Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người (tính bằng Đồng Việt Nam (VND), Đô la Mỹ (USD)) Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		×			Tên chỉ tiêu cần ngắn gọn, không để đơn vị tính, tính theo đơn vị nào thì thể hiện ở phần tổ của chỉ tiêu đó
46	0506	Tích lũy tài sản	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	×				
47	0507	Tiêu dùng cuối cùng	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	×				
48	0508	Thu nhập quốc gia (GNI)	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	×				
49	0509	Tỷ lệ thu nhập quốc gia so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
50	0510	Thu nhập quốc gia khả dùng (NDI)	Tổng cục Thống kê		×				
51	0511	Tỷ lệ tiết kiệm so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		×				
52	0512	Tỷ lệ tiết kiệm so với tích lũy tài sản	Tổng cục Thống kê		×				
53	0513	Mức tiêu hao và tăng/giảm mức tiêu hao năng lượng cho sản xuất so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		×				
54	0514	Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)	Tổng cục Thống kê		×				
55	0515	Tỷ trọng đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
56		Tỷ trọng giá trị tăng thêm của dịch vụ logistics trong tổng sản phẩm trong nước	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Giao thông vận tải	Tổng cục Thống kê			×		Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 22/02/2021 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 quy định "Đến năm 2025, tỷ trọng đóng góp của dịch vụ logistics vào GDP đạt 5%-6%"
57		Chi phí logistics so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê			×		Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 22/02/2021 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 quy định "chi phí logistics giảm xuống tương đương 16%-20% GDP"

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
58		Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông	Tổng cục Thống kê			×		Ng nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, định hướng các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 nêu mục tiêu "Kinh tế số chiếm khoảng 20% GDP"
		06. Tài chính công							
59	0601	Thu và cơ cấu thu ngân sách nhà nước Thu ngân sách nhà nước và cơ cấu thu	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính		×			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành
60	0602	Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		×				
61	0603	Tỷ lệ đóng góp của ngân sách từ thuế, lệ phí so với tổng sản phẩm trong nước Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê	Bộ Tài chính		×			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành
62	0604	Chi và cơ cấu chi ngân sách nhà nước Chi ngân sách nhà nước và cơ cấu chi	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính		×			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
63	0605	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		x				
64	0606	Bội chi ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính		x				
65	0607	Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		x				
66	0608	Dư nợ của Chính phủ	Bộ Tài chính		x				
67	0609	Dư nợ nước ngoài của quốc gia	- Chủ trì: Bộ Tài chính - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		x				
68	0610	Dư nợ công	Bộ Tài chính		x				
		07. Tiền tệ và bảo hiểm 07. Tiền tệ, bảo hiểm và chứng khoán		Bộ Tài chính					Bổ sung một số chỉ tiêu cơ bản phản ánh thị trường chứng khoán
69	0701	Tổng phương tiện thanh toán	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		x				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
70		Tỷ lệ tổng phương tiện thanh toán so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê			×		Độ sâu tài chính hay tỷ lệ tổng phương tiện thanh toán so với tổng sản phẩm trong nước là một chỉ tiêu vĩ mô dùng để đánh giá khả năng cung ứng vốn của khu vực tài chính đối với nền kinh tế. Chỉ tiêu này được quy định trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN, hàng năm các tổ chức quốc tế đều đánh giá sự phát triển thị trường tài chính của các quốc gia trên thế giới thông qua chỉ tiêu này. Như vậy chỉ tiêu này là cần thiết, phù hợp với yêu cầu của quá trình hội nhập
71	0702	Tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		×				
72	0703	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		×			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
73	0704	Đu nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng Đu nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		×			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành
74	0705	Tốc độ tăng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng Tốc độ tăng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		×			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành
75		Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công an	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam			×		Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”
76	0706	Lãi suất	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		×				
77	0707	Cán cân thanh toán quốc tế	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		×				
78	0708	Tỷ lệ cán cân vãng lai so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia để xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
	0709	Vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam và Việt Nam ra nước ngoài	Chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Phối hợp: Bộ Tài chính.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam				×	Bỏ chỉ tiêu vì chỉ tiêu này đã bao gồm trong cân thanh toán quốc tế
79	0710	Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng của Đồng Việt Nam (VND) với Đô la Mỹ (USD) Tỷ giá của đồng Việt Nam với Đô la Mỹ	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		×			Tên chỉ tiêu hiện tại không phù hợp với chỉ tiêu tỷ giá mà Ngân hàng Nhà nước đang sử dụng để điều hành chính sách tiền tệ hiện nay
80	0711	Tổng thu phí, chi trả bảo hiểm	- Chủ trì: Bộ Tài chính - Phối hợp: Tổng cục Thống kê		×				
81	0712	Số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp Số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ		×			Phù hợp với thực tế và văn bản pháp luật chuyên ngành

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
82		Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê			×		Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII quy định "tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số"
83	0713	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	Tổng cục Thống kê	×				
84	0714	Thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp Thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ		×			Phù hợp với thực tế và văn bản pháp luật chuyên ngành
85		Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính			×		Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
86		Tỷ lệ vốn hóa thị trường cổ phiếu so với tổng sản phẩm trong nước	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính			×		Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
87		Tốc độ tăng giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính			×		Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
88		Giá trị huy động vốn qua phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính			×		Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
89		Quy mô thị trường trái phiếu so với tổng sản phẩm trong nước	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính			×		Quyết định số 1191/QĐ-TTg phê duyệt lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030
90		Tốc độ tăng quy mô thị trường trái phiếu	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính			×		Quyết định số 1191/QĐ-TTg phê duyệt lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030
91		Tổng giá trị phát hành trái phiếu	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính			×		Quyết định số 1191/QĐ-TTg phê duyệt lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
		08. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản							
92	0801	Diện tích gieo trồng cây hàng năm Diện tích cây hàng năm	Tổng cục Thống kê			×			Chỉ tiêu "diện tích cây hàng năm" bao gồm thông tin về: Diện tích gieo trồng cây hàng năm, diện tích thu hoạch cây hàng năm, diện tích cho sản phẩm cây hàng năm nhưng không thu hoạch, diện tích mất trắng cây hàng năm
93	0802	Diện tích cây lâu năm	Tổng cục Thống kê		×				
94	0803	Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu	Tổng cục Thống kê		×				
95	0804	Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu	Tổng cục Thống kê		×				
96	0806	Số lượng gia súc, gia cầm và vật nuôi khác Số gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi	Tổng cục Thống kê			×			Phù hợp với quy định của Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành
97	0807	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
98	0808	Diện tích rừng trồng mới tập trung	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		x				
99	0809	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		x				
100	0810	Diện tích nuôi trồng thủy sản Diện tích thu hoạch thủy sản	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		x			Phù hợp với tình hình thực tế
101	0811	Sản lượng thủy sản	Tổng cục Thống kê		x				
102	0812	Số lượng và công suất tàu thuyền có động cơ khai thác hải sản Số lượng tàu khai thác thủy sản biển có động cơ	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		x			Phù hợp với quy định của Luật Thủy sản 2017

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
103	0805	Cán đối một số nông sản chủ yếu	Tổng cục Thống kê		x				
104		Tỷ lệ mất an ninh lương thực	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê			x		Chỉ tiêu này thuộc bộ chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu (SDG)
105		Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả và bền vững	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê			x		Chỉ tiêu này thuộc bộ chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu (SDG)
		09. Công nghiệp							
106	0901	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Tổng cục Thống kê		x				
107	0902	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	Tổng cục Thống kê		x				

Stt	Mã số QG 2015	Chi tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
108	0903	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị sản phẩm công nghệ cao Tỷ trọng giá trị xuất khẩu ngành công nghiệp công nghệ cao trong tổng giá trị ngành công nghiệp công nghệ cao	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Công thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính	Tổng cục Thống kê		×			Tổng hợp theo tiêu chí của Tổ chức Phát triển công nghiệp của Liên hợp quốc (UNIDO) về ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ trung bình và công nghệ thấp.
-	0904	Tỷ trọng công nghiệp chế biến trong tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê					×	Bỏ chỉ tiêu vì chỉ tiêu này đã nằm trong phân tổ của chỉ tiêu "Tỷ trọng công nghiệp chế biến trong tổng sản phẩm trong nước"
109	0905	Giá trị tăng thêm bình quân đầu người của công nghiệp chế biến theo sức mua tương đương Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân đầu người theo sức mua tương đương	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		×			Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam quy định tên ngành cấp 2 đầy đủ là công nghiệp chế biến, chế tạo
110	0906	Chỉ số tiêu thụ sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
111	0907	Chỉ số tồn kho sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo	Tổng cục Thống kê		x				
112	0908	Cân đối một số năng lượng chủ yếu	Tổng cục Thống kê		x				
113	0909	Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp	- Chủ trì: Bộ Công thương; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê		x				
		10. Thương mại, dịch vụ							
114	1001	Doanh thu bán lẻ hàng hoá	Tổng cục Thống kê		x				
115	1002	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Tổng cục Thống kê		x				
116	1003	Doanh thu dịch vụ khác	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ, ngành có quản lý dịch vụ	Tổng cục Thống kê	x				
117		Doanh thu dịch vụ kinh doanh bất động sản	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ,	Tổng cục Thống kê			x		Hoạt động kinh doanh bất động sản ngày càng phát triển, ảnh hưởng đến kinh tế vĩ mô

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
118	1004	Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại	Bộ Công Thương		x				
119	1005	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa Trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	- Chủ trì: Bộ Tài chính - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính		x			- Thuật ngữ "Trị giá" phản ánh giá trị bằng tiền của hàng hóa và dịch vụ trong khi "giá trị" có nghĩa rất rộng có thể là giá trị về vật chất hoặc tinh thần hoặc phản ánh hiệu lực của một vấn đề (ví dụ hợp đồng hết giá trị),... - Phù hợp với quy định về trị giá hải quan được sử dụng làm cơ sở cho việc tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
120	1006	Mất hàng xuất khẩu, nhập khẩu	- Chủ trì: Bộ Tài chính - Phối hợp: Tổng cục Thống kê		x				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
121	1007	Xuất siêu, nhập siêu hàng hoá Cán cân thương mại hàng hóa	Tổng cục Thống kê	Bộ Tài chính		×			Tên chỉ tiêu “Xuất siêu, nhập siêu hàng hóa” không thể hiện được hết 03 trạng thái: Thặng dư (xuất siêu), thâm hụt (nhập siêu) và cân bằng của cán cân thương mại hàng hóa.
122	1008	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ Trị giá dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ, ngành có quản lý dịch vụ	Tổng cục Thống kê		×			Thuật ngữ “Trị giá” phản ánh giá trị bằng tiền của hàng hóa và dịch vụ trong khi “giá trị” có nghĩa rất rộng có thể là giá trị về vật chất hoặc tinh thần hoặc phản ánh hiệu lực của một vấn đề (ví dụ hợp đồng hết giá trị),...
123	1009	Xuất siêu, nhập siêu dịch vụ Cán cân thương mại dịch vụ	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		×			Phù hợp với tình hình thực tế
	1010	Tỷ trọng giá trị hàng xuất khẩu đã qua chế biến trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê				×	Bỏ chỉ tiêu vì đã công bố số liệu của các nhóm hàng này. Người sử dụng số liệu có thể tính các chỉ tiêu này linh hoạt theo nhu cầu sử dụng

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
	1011	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Công thương, Bộ Khoa học và Công nghệ	Tổng cục Thống kê				×	Bỏ chỉ tiêu vì đã công bố số liệu của các nhóm hàng này. Người sử dụng số liệu có thể tính các chỉ tiêu này linh hoạt theo nhu cầu sử dụng
	1012	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu khoáng sản trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê				×	Bỏ chỉ tiêu vì đã công bố số liệu của các nhóm hàng này. Người sử dụng số liệu có thể tính các chỉ tiêu này linh hoạt theo nhu cầu sử dụng
	1013	Tỷ trọng giá trị nhập khẩu tư liệu sản xuất trong tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê				×	Bỏ chỉ tiêu vì đã công bố số liệu của các nhóm hàng này. Người sử dụng số liệu có thể tính các chỉ tiêu này linh hoạt theo nhu cầu sử dụng
		11. Giá cả 11. Chỉ số giá		Tổng cục Thống kê					Cụm từ "Giá cả" không phù hợp trong văn viết
124	1101	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ	Tổng cục Thống kê		×				
125	1102	Chỉ số lạm phát cơ bản	Tổng cục Thống kê		×				
126	1103	Chỉ số giá sinh hoạt theo không gian	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
127	1104	Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		×			Sửa tên chỉ tiêu ngắn gọn, nội dung chỉ tiêu không thay đổi
128	1105	Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp và dịch vụ Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		×			Phù hợp với tình hình thực tế và các văn bản pháp luật hiện hành
	1106	Chỉ số giá xây dựng	Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng				×	Chuyển thành chỉ tiêu ngành Xây dựng do Bộ Xây dựng là cơ quan chủ trì tính toán, công bố chỉ số giá xây dựng quốc gia theo pháp luật Xây dựng
129	1107	Chỉ số giá bất động sản	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Xây dựng		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chi tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
130	1108	Chỉ số giá tiền lương	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Tổng cục Thống kê	×				Bổ sung cơ quan phối hợp thực hiện (Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) để phù hợp với thực tiễn và đảm bảo hiệu quả chung
131	1109	Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Tài chính		×				
132	110	Tỷ giá thương mại	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Tài chính		×				Bộ Tài chính đề xuất sửa tên chỉ tiêu thành "Tỷ lệ trao đổi thương mại quốc tế" tuy nhiên Tổng cục Thống kê cho rằng nên giữ nguyên tên chỉ tiêu vì nội hàm chỉ tiêu không thay đổi
		12. Giao thông vận tải							
133	1201	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tổng cục Thống kê		×				
134	1202	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê		×				
135	1203	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
136	1204	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng	Bộ Giao thông vận tải		x				
137	1205	Số lượng, năng lực bốc xếp hiện có và mới tăng của cảng thủy nội địa	Bộ Giao thông vận tải		x				
138	1206	Số lượng, năng lực vận chuyển hiện có và mới tăng của cảng hàng không Số lượng, năng lực khai thác hiện có và mới tăng của cảng hàng không	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Giao thông vận tải		x			Phù hợp với tình hình thực tế
139		Số lượng, năng lực bốc xếp hiện có và mới tăng của cảng biển	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Giao thông vận tải			x		Hoàn thiện các chỉ tiêu về kết cấu hạ tầng giao thông trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia
140		Chiều dài đường sắt hiện có và năng lực tăng thêm	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Giao thông vận tải			x		Hoàn thiện các chỉ tiêu về kết cấu hạ tầng giao thông trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia
141		Chiều dài đường cao tốc	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Giao thông vận tải			x		Hoàn thiện các chỉ tiêu về kết cấu hạ tầng giao thông trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia
142		Chiều dài đường quốc lộ	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Giao thông vận tải			x		Hoàn thiện các chỉ tiêu về kết cấu hạ tầng giao thông trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

Stt	Mã số QG 2015	Chi tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
		13. Công nghệ thông tin và truyền thông Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông		Ông Trần Văn Duy, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam					Sửa tên nhóm để bảo đảm phản ánh đầy đủ phạm vi theo các lĩnh vực trong nhóm: Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông
143	1301	Doanh thu bưu chính; truyền phát Doanh thu dịch vụ bưu chính	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông		×			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành
144	1302	Sản lượng bưu chính; truyền phát Sản lượng dịch vụ bưu chính	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông		×			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành
145	1303	Doanh thu viễn thông Doanh thu dịch vụ viễn thông	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông		×			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành
146	1304	Số lượng thuê bao điện thoại	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
147	1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Tổng cục Thống kê-Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông	×				Giữ nguyên tên chỉ tiêu nhưng thay đổi cơ quan thực hiện cho phù hợp với thực tiễn và đảm bảo hiệu quả chung. Chỉ tiêu này thu thập qua điều tra thống kê mới đảm bảo độ tin cậy và được công nhận rộng rãi ở trong và ngoài nước. Tổng cục Thống kê là cơ quan nhà nước có chuyên môn sâu và có khả năng tổ chức thực hiện các cuộc điều tra thống kê ở mọi quy mô

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
148	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê Bộ Thông tin và Truyền thông.	Bộ Thông tin và Truyền thông	x				Giữ nguyên tên chỉ tiêu nhưng thay đổi cơ quan thực hiện cho phù hợp với thực tiễn và đảm bảo hiệu quả chung. Chỉ tiêu này thu thập qua điều tra thống kê mới đảm bảo độ tin cậy và được công nhận rộng rãi ở trong và ngoài nước. Tổng cục Thống kê là cơ quan nhà nước có chuyên môn sâu và có khả năng tổ chức thực hiện các cuộc điều tra thống kê ở mọi quy mô

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
149	1307	Số lượng thuê bao truy cập Internet Số thuê bao truy cập Internet băng rộng	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông		×			- Đồng bộ với quốc tế để thuận lợi cho việc thu thập số liệu cung cấp cho Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU) và cũng để đảm bảo công bằng trong đánh giá, xếp hạng Việt Nam về Bộ chỉ số Phát triển Công nghệ thông tin và truyền thông toàn cầu (IDI) và một số chỉ số liên quan khác - Mặt khác, trước đây quy ước băng hẹp là loại có tốc độ dưới 256Kbps, băng rộng là tốc độ từ 256Kbps trở lên. Hiện nay trên thị trường Việt Nam, các doanh nghiệp chỉ còn cung cấp dịch vụ băng rộng (kể cả cố định và di động)

Stt	Mã số QG 2015	Chi tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
150	1308	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Tổng cục Thống kê Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông	×				Giữ nguyên tên chỉ tiêu nhưng thay đổi cơ quan thực hiện cho phù hợp với thực tiễn và đảm bảo hiệu quả chung. Chỉ tiêu này thu thập qua điều tra thống kê mới đảm bảo độ tin cậy và được công nhận rộng rãi ở trong và ngoài nước. Tổng cục Thống kê là cơ quan nhà nước có chuyên môn sâu và có khả năng tổ chức thực hiện các cuộc điều tra thống kê ở mọi quy mô
151	1309	Số đơn vị có giao dịch thương mại điện tử Số thương nhân có giao dịch thương mại điện tử	Bộ Công thương	Bộ Công thương		×			Phù hợp với quy định tại khoản 1 và 2 của Điều 2 Luật Thương mại và các văn bản hợp nhất, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thương mại
152	1310	Dung lượng kết nối Internet quốc tế bình quân một trăm dân Dung lượng băng thông Internet quốc tế	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông		×			Đây là chỉ tiêu thuộc bộ chỉ số IDI của ITU. Tên chỉ tiêu cần đồng bộ với tên gọi quốc tế để thuận lợi trong việc thu thập số liệu và cung cấp cho ITU

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
153	1311	Doanh thu công nghệ thông tin Doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông		×			- Phù hợp với Luật Công nghệ thông tin năm 2016 - Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghệ lần thứ tư (sau đây viết gọn là Nghị quyết số 52-NQ/TW)
154		Doanh thu dịch vụ nền tảng số và kinh doanh trực tuyến	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
155		Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính	Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		- Thuộc bộ chỉ tiêu đánh giá Phát triển công nghệ thông tin và truyền thông (IDI) của Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU) - Thuộc bộ chỉ tiêu đánh giá Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) - Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 (sau đây viết gọn là Nghị quyết số 02/NQ-CP) - Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019
156		Tỷ lệ người sở hữu điện thoại di động	Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		Thuộc bộ chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu (SDG)
157		Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		- Thuộc Bộ chỉ tiêu IDI của ITU - Thuộc Bộ chỉ tiêu GII của WIPO - Nghị quyết số 02/NQ-CP - Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
158		Lưu lượng Internet băng rộng	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		- Phản ánh tổng lượng thông tin số được trao đổi (gửi, nhận) của người sử dụng internet của Việt Nam - Là chỉ tiêu thuộc Bộ chỉ số phát triển CNTT và truyền thông của Liên minh viễn thông quốc tế (ITU)
159		Tổng số chứng thư số đang hoạt động	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		Thể hiện mức độ ứng dụng công nghệ (chữ ký số) để đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động kinh tế - xã hội của tổ chức, cá nhân, trong đó có các cơ quan nhà nước.
160		Tỷ lệ người dân biết kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông	Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		- Thuộc Bộ chỉ tiêu IDI của ITU - Thuộc Bộ chỉ tiêu GII của WIPO - Thuộc Bộ chỉ tiêu đánh giá Năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) - Thuộc Bộ chỉ tiêu đánh giá Sẵn sàng cho nền sản xuất tương lai (FOP) của WEF

Stt	Mã số QG 2015	Chi tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
161		Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Tổng cục Thống kê Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông			x		Đánh giá hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020 và định hướng đến 2025 (viết gọn là Nghị quyết số 17/NQ-CP)
162		Số dịch vụ hành chính công có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông			x		Đánh giá hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo Nghị quyết số 17/NQ-CP
163		Tỷ lệ người Việt Nam tham gia mạng xã hội	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông			x		- Nghị quyết số 17/NQ-CP - Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 (Khoản 2, Mục III)

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
164		Tỷ lệ người Việt Nam đọc báo, tạp chí	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025
165		Chi cho chuyển đổi số	Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”
166	1401	14. Khoa học và công nghệ Số tổ chức khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ		×				
167	1402	Số người trong các tổ chức khoa học và công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ - Phối hợp: Tổng cục Thống kê		×				
168	1403	Số người hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ - Phối hợp: Tổng cục Thống kê		×				
169	1404	Số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ	Bộ Khoa học và Công nghệ		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia để xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
	1405	Chỉ số đổi mới công nghệ, thiết bị	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ				x	- Đổi mới công nghệ, thiết bị chỉ là một phần của hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, không mang tính bao quát. Hiện nay, Bộ KHCHN đang triển khai thực hiện chỉ tiêu "Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện đổi mới sáng tạo" theo Thông tư số 03/2018/TT-BKHCHN ngày 15/5/2018 về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành KHCHN và phân công thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia - Dữ liệu để tính toán chỉ số đổi mới công nghệ, thiết bị không đầy đủ, không đồng nhất nên việc tính toán chỉ số này không khả thi trong thực tế
170	1406	Tỷ lệ chi đổi mới công nghệ so với tổng vốn cố định của doanh nghiệp	Tổng cục Thống kê		x				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
171	1407	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ - Phối hợp: Tổng cục Thống kê; Bộ Tài chính		×				
		15. Giáo dục							
172	1501	Số học sinh phổ thông bình quân một giáo viên	Bộ Giáo dục và Đào tạo		×				
173	1502	Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học	Bộ Giáo dục và Đào tạo		×				
174	1503	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	- Chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.		×				
175		Số sinh viên đại học trên mười nghìn dân	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Giáo dục và Đào tạo.				×		Bổ sung chỉ tiêu để phản ánh đầy đủ theo cấp học: Giáo dục phổ thông và đại học
		16. Y tế và chăm sóc sức khỏe							
176	1601	Số bác sĩ, số giường bệnh trên mười nghìn dân	Bộ Y tế		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
177	1602	Tỷ số tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống	Tổng cục Thống kê	Đại học Kinh tế quốc dân	×				
178	1603	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi	Tổng cục Thống kê		×				
179	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi	Tổng cục Thống kê		×				
180	1605	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Bộ Y tế		×				
181	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	Bộ Y tế		×				
182	1607	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế		×				
183	1608	Số ca tử vong do HIV/AIDS được báo cáo hàng năm trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế		×				
184		Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa	Bộ Y tế	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
		17. Văn hóa, thể thao và du lịch							
185	1701	Số di sản văn hóa cấp quốc gia	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		×				
186	1702	Số huy chương trong các kỳ thi đấu quốc tế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		×				
187	1703	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	Tổng cục Thống kê		×				
188	1704	Số lượt người nước ngoài đến Việt Nam Số lượt người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam	- Chủ trì: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Quốc phòng		×			Phù hợp với tình hình thực tế và văn bản pháp luật chuyên ngành
189	1705	Số lượt người Việt Nam ra nước ngoài Số lượt công dân Việt Nam xuất cảnh	- Chủ trì: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Quốc phòng		×			Phù hợp với tình hình thực tế và văn bản pháp luật chuyên ngành
190	1706	Số lượt khách du lịch nội địa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		×				
191	1707	Chỉ tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
192	1708	Chỉ tiêu của khách du lịch nội địa	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		x				
		18. Mức sống dân cư							
193	1801	Chỉ số phát triển con người (HDI)	Tổng cục Thống kê		x				
194	1802	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		x			Ngại quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII quy định tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1-1.5% hàng năm
195		Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê			x		Chỉ tiêu thuộc bộ chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu (SDG)
196	1803	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini)	Tổng cục Thống kê		x				
197	1804	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Bộ Xây dựng		x				
198		Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			x		Thống kê đầy đủ tỷ lệ dân số thành thị và nông thôn sử dụng nước sạch

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
199	1805	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê		×				
200	1806	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê		×				
		19. Trật tự, an toàn xã hội và tư pháp							
201	1901	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Bộ Công an		×				
202	1902	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại Số vụ cháy, nổ; số người chết, bị thương và thiệt hại về tài sản do cháy, nổ gây ra	Bộ Công an	Bộ Công an		×			Bảo đảm rõ ràng, thuận tiện trong quá trình thực hiện thống kê
203		Số vụ sự cố, số vụ tai nạn, số người cứu được, số thi thể nạn nhân tìm được	Bộ Công an	Bộ Công an			×		Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy
204		Hệ số an toàn giao thông đường bộ	Bộ Công an	Bộ Công an			×		Phản ánh mức độ an toàn giao thông đường bộ trong mối liên hệ với quy mô dân số và phương tiện giao thông

Stt	Mã số QG 2015	Chi tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
205	1903	Số vụ án, số bị can đã khởi tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao		×				
206	1904	Số vụ án, số bị can đã truy tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao		×				
207	1905	Số vụ, số người phạm tội đã bị kết án Số vụ, số bị cáo đã xét xử sơ thẩm	Tòa án nhân dân tối cao	- Tòa án nhân dân tối cao - Tổng cục Thống kê		×			Phù hợp với tình hình thực tế và văn bản pháp luật chuyên ngành
208	1906	Tỷ lệ dân số từ mười lăm tuổi trở lên bị bạo lực	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		×				
209	1907	Số lượt người được trợ giúp pháp lý Số lượt người đã được trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp		×			Phù hợp với tình hình thực tế và văn bản pháp luật chuyên ngành
210	1908	Kết quả thi hành án dân sự, Kết quả thi hành án dân sự, hành chính	Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp		×			Thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính
		20. Bảo vệ môi trường							
211	2001	Diện tích rừng hiện có	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
	2002	Diện tích rừng được bảo vệ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				×	Hiện nay, cơ bản diện tích rừng đã được giao cho các chủ rừng (tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng) quản lý, đối với diện tích còn lại hiện Ủy ban nhân dân xã đang được giao trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng. Do đó, diện tích rừng được bảo vệ sẽ lấy theo diện tích hiện trạng rừng hằng năm (số liệu lấy theo chỉ tiêu Diện tích rừng hiện có)
212	2003	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		×				
213	2004	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		×				
214	2005	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
215		Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tổng cục Thống kê			×		Chỉ tiêu này phân tổ trên cạn và biển đề theo dõi mục tiêu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 (mục tiêu "Tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3 - 5% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia")
216	2006	Diện tích đất bị thoái hoá	Bộ Tài nguyên và Môi trường		×				
217	2007	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Công thương; Bộ Y tế		×				
218		Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường			×		Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
219		Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài nguyên và Môi trường			×		Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII nêu định hướng các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 trong đó quy định "tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 92%"
220		Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Bộ Công Thương	Bộ Tài nguyên và Môi trường			×		Luật Bảo vệ môi trường

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
221	2008	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương		×				
222		Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ PM _{2,5} và PM ₁₀ trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường			×		Thực vụ việc theo dõi, đánh giá chất lượng không khí

Phụ lục II

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ÁNH CHÍNH SÁCH
PHÁP LUẬT TRONG THỜI GIAN GẦN ĐÂY**

(Kèm theo Tờ trình số: 378/TTr-CP ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ)

Stt	Nội dung	Số chỉ tiêu	Trang
1	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng XIII	18	3
2	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030	17	5
3	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đánh giá thực hiện nội dung nghị quyết của Chính phủ về phát triển bền vững	55	7
4	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số	23	11
5	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đánh giá thực trạng thực hiện nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics	12	13
6	Giới và bình đẳng giới		14
-	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh, đánh giá về giới và bình đẳng giới tại Việt Nam	26	
-	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng với các chỉ tiêu thống kê giới toàn cầu	10	
7	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu	34	17
8	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng với các chỉ tiêu thống kê khu vực ASEAN	29	19
9	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng bộ chỉ tiêu phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, bộ chỉ tiêu đánh giá đổi mới sáng tạo toàn cầu		21
-	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng bộ chỉ tiêu phát triển công nghệ thông tin và truyền thông	5	
-	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng bộ chỉ tiêu đánh giá đổi mới sáng tạo toàn cầu	3	
10	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh kinh	24	22

Stt	Nội dung	Số chỉ tiêu	Trang
	tế xanh, tăng trưởng xanh		
11	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh kinh tế tuần hoàn	5	24
12	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh kinh tế bao trùm	7	25
13	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh môi trường và biến đổi khí hậu	12	26
14	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh vùng, liên kết vùng	130	27
15	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh liên quan đến trẻ em	11	36

1. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ÁNH MỤC TIÊU NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG XIII

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 18 chỉ tiêu	
1	0109	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tổng cục Thống kê
2	0114	Tỷ lệ đô thị hóa	Bộ Xây dựng
3	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
4	0203	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	- Tổng cục Thống kê; - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
5	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê
6	0207	Năng suất lao động	Tổng cục Thống kê
7	0502	Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
8	0503	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
9	0504	Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người	Tổng cục Thống kê
10	0514	Tỷ trọng đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung	Tổng cục Thống kê
11	0517	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
12	0714	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	Tổng cục Thống kê
13	1601	Số bác sĩ, số giường bệnh trên mười nghìn dân	Bộ Y tế
14	1802	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
15	1807	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
16	2002	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
17	2008	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Bộ Tài nguyên và Môi trường
18	2009	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Khoa học và Công nghệ

2. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ÁNH MỤC CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2021-2030

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 17 chỉ tiêu	
1	0109	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tổng cục Thống kê
2	0114	Tỷ lệ đô thị hóa	Bộ Xây dựng
3	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
4	0203	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	- Tổng cục Thống kê; - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
5	0207	Năng suất lao động	Tổng cục Thống kê
6	0402	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
7	0502	Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
8	0503	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
9	0504	Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người	Tổng cục Thống kê
10	0512	Mức tiêu hao và tăng/giảm mức tiêu hao năng lượng cho sản xuất so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
11	0514	Tỷ trọng đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung	Tổng cục Thống kê
12	0517	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
13	0610	Dư nợ công	Bộ Tài chính
14	1801	Chỉ số phát triển con người (HDI)	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
15	2002	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
16	2005	Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
17	2011	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

3. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 55 chỉ tiêu	
1	0103	Tỷ số giới tính khi sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Y tế
2	0112	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Y tế.
3	0203	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	- Tổng cục Thống kê; - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
4	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê
5	0205	Tỷ lệ thiếu việc làm	Tổng cục Thống kê
6	0206	Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức	Tổng cục Thống kê
7	0207	Năng suất lao động	Tổng cục Thống kê
8	0208	Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc	Tổng cục Thống kê
9	0209	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng	Ban Tổ chức Trung ương Đảng
10	0210	Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	Văn phòng Quốc hội
11	0211	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân	Bộ Nội vụ
12	0212	Tỷ lệ cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ	Bộ Nội vụ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
13	0501	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	Tổng cục Thống kê
14	0503	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
15	0504	Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
16	0513	Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)	Tổng cục Thống kê
17	0514	Tỷ trọng đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung	Tổng cục Thống kê
18	0707	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
19	0713	Số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
20	0715	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
21	0813	Tỷ lệ mất an ninh lương thực	Tổng cục Thống kê
22	0814	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả và bền vững	Tổng cục Thống kê
23	0904	Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân đầu người theo sức mua tương đương	Tổng cục Thống kê
24	1006	Trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	- Chủ trì: Bộ Tài chính - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
25	1101	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ	Tổng cục Thống kê
26	1202	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
27	1203	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
28	1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
29	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
30	1314	Tỷ lệ người sở hữu điện thoại di động	Tổng cục Thống kê
31	1315	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	Bộ Thông tin và Truyền thông
32	1318	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông	Tổng cục Thống kê
33	1403	Số người hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
34	1406	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ - Phối hợp: Tổng cục Thống kê; Bộ Tài chính
35	1602	Tỷ số tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống	Tổng cục Thống kê
36	1603	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi	Tổng cục Thống kê
37	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi	Tổng cục Thống kê
38	1605	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Bộ Y tế
39	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	Bộ Y tế
40	1802	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
41	1803	Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
42	1805	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Bộ Xây dựng
43	1807	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê
44	1808	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê
45	1901	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Bộ Công an

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
46	2001	Diện tích rừng hiện có	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
47	2002	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
48	2003	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
49	2004	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
50	2005	Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
51	2006	Diện tích đất bị thoái hoá	Bộ Tài nguyên và Môi trường
52	2007	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Công thương; Bộ Y tế
53	2008	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Bộ Tài nguyên và Môi trường
54	2009	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Khoa học và Công nghệ
55	2011	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

4. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ, KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 23 chỉ tiêu	
1	0517	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
2	0707	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
3	1303	Doanh thu dịch vụ viễn thông	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
4	1304	Số lượng thuê bao điện thoại	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
5	1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
6	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.
7	1307	Số thuê bao truy nhập Internet băng rộng	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
8	1308	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
9	1309	Số thương nhân có giao dịch thương mại điện tử	Bộ Công thương
10	1310	Dung lượng băng thông Internet quốc tế	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
11	1311	Doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
12	1312	Doanh thu dịch vụ nền tảng số và kinh doanh trực tuyến	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
13	1313	Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính	Tổng cục Thống kê
14	1314	Tỷ lệ người sở hữu điện thoại di động	Tổng cục Thống kê
15	1315	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	Bộ Thông tin và Truyền thông
16	1316	Lưu lượng Internet băng rộng	Bộ Thông tin và Truyền thông
17	1317	Tổng số chứng thư số đang hoạt động	Bộ Thông tin và Truyền thông
18	1318	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông	Tổng cục Thống kê
19	1319	Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Bộ Thông tin và Truyền thông
20	1320	Số dịch vụ hành chính công có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Bộ Thông tin và Truyền thông
21	1321	Tỷ lệ người Việt Nam tham gia mạng xã hội	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
22	1323	Chi cho chuyển đổi số	Tổng cục Thống kê
23	1609	Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa	Bộ Y tế

**5. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN
NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
LOGISTICS**

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 12 chỉ tiêu	
1	0515	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của dịch vụ logistics trong tổng sản phẩm trong nước	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Giao thông vận tải
2	0516	Chi phí logistics so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
3	1201	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tổng cục Thống kê
4	1202	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
5	1203	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
6	1204	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng	Bộ Giao thông vận tải
7	1205	Số lượng, năng lực bốc xếp hiện có và mới tăng của cảng thủy nội địa	Bộ Giao thông vận tải
8	1206	Số lượng, năng lực khai thác hiện có và mới tăng của cảng hàng không	Bộ Giao thông vận tải
9	1207	Số lượng, năng lực bốc xếp hiện có và mới tăng của cảng biển	Bộ Giao thông vận tải
10	1208	Chiều dài đường sắt hiện có và năng lực tăng thêm	Bộ Giao thông vận tải
11	1209	Chiều dài đường cao tốc	Bộ Giao thông vận tải
12	1210	Chiều dài đường quốc lộ	Bộ Giao thông vận tải

6. GIỚI VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

6.1. Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh, đánh giá về giới và bình đẳng giới tại Việt Nam

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 26 chỉ tiêu	
1	0102	Dân số, mật độ dân số	Tổng cục Thống kê
2	0103	Tỷ số giới tính khi sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Y tế
3	0107	Tỷ lệ tăng dân số	Tổng cục Thống kê
4	0109	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tổng cục Thống kê
5	0110	Tỷ lệ người khuyết tật	Tổng cục Thống kê
6	0111	Số cuộc kết hôn và tuổi kết hôn trung bình lần đầu	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp
7	0112	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Y tế.
8	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
9	0203	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	- Tổng cục Thống kê; - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
10	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê
11	0206	Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức	Tổng cục Thống kê
12	0208	Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc	Tổng cục Thống kê
13	0209	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng	Ban Tổ chức Trung ương Đảng
14	0210	Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	Văn phòng Quốc hội
15	0211	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân	Bộ Nội vụ
16	0212	Tỷ lệ cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ	Bộ Nội vụ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
17	1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
18	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
19	1503	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	- Chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
20	1602	Tỷ số tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống	Tổng cục Thống kê
21	1603	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi	Tổng cục Thống kê
22	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi	Tổng cục Thống kê
23	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	Bộ Y tế
24	1905	Số vụ án, số bị can đã khởi tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
25	1906	Số vụ án, số bị can đã truy tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
26	1908	Tỷ lệ dân số bị bạo lực	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

6.2. Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng với các chỉ tiêu thống kê giới toàn cầu

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 10 chỉ tiêu	
1	0109	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tổng cục Thống kê
2	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
3	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê
4	0210	Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	Văn phòng Quốc hội
5	1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
6	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
7	1308	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
8	1503	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	- Chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
9	1602	Tỷ số tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống	Tổng cục Thống kê
10	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi	Tổng cục Thống kê

**7. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA TƯƠNG ỨNG VỚI CÁC
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TOÀN CẦU**

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 34 chỉ tiêu	
1	0112	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Y tế.
2	0113	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử	- Chủ trì: Bộ Tư pháp; - Phối hợp: Bộ Công an, Bộ Y tế.
3	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê
4	0206	Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức	Tổng cục Thống kê
5	0207	Năng suất lao động	Tổng cục Thống kê
6	0208	Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc	Tổng cục Thống kê
7	0210	Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	Văn phòng Quốc hội
8	0211	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân	Bộ Nội vụ
9	0503	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
10	0602	Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
11	0707	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
12	0813	Tỷ lệ mất an ninh lương thực	Tổng cục Thống kê
13	0814	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả và bền vững	Tổng cục Thống kê
14	0904	Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân đầu người theo sức mua tương đương	Tổng cục Thống kê
15	1202	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
16	1203	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
17	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.
18	1314	Tỷ lệ người sở hữu điện thoại di động	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
19	1319	Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Bộ Thông tin và Truyền thông
20	1403	Số người hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
21	1406	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ - Phối hợp: Tổng cục Thống kê; Bộ Tài chính
22	1601	Số bác sĩ, số giường bệnh trên mười nghìn dân	Bộ Y tế
23	1602	Tỷ số tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống	Tổng cục Thống kê
24	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi	Tổng cục Thống kê
25	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	Bộ Y tế
26	1802	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
27	1803	Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
28	1807	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê
29	1808	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê
30	1901	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Bộ Công an
31	2002	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
32	2003	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
33	2006	Diện tích đất bị thoái hoá	Bộ Tài nguyên và Môi trường
34	2011	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

8. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA TƯƠNG ỨNG VỚI CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ KHU VỰC ASEAN

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 29 chỉ tiêu	
1	0109	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tổng cục Thống kê
2	0201	Lực lượng lao động	Tổng cục Thống kê
3	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
4	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê
5	0208	Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc	Tổng cục Thống kê
6	0210	Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	Văn phòng Quốc hội
7	0501	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	Tổng cục Thống kê
8	0507	Thu nhập quốc gia (GNI)	Tổng cục Thống kê
9	0601	Thu ngân sách nhà nước và cơ cấu thu	Bộ Tài chính
10	0604	Chi ngân sách nhà nước và cơ cấu chi	Bộ Tài chính
11	0608	Dư nợ của Chính phủ	Bộ Tài chính
12	0609	Dư nợ nước ngoài của quốc gia	- Chủ trì: Bộ Tài chính - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
13	0708	Lãi suất	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
14	0711	Tỷ giá của đồng Việt Nam với Đô la Mỹ	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
15	1101	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ	Tổng cục Thống kê
16	1105	Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ	Tổng cục Thống kê
17	1107	Chỉ số giá tiền lương	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
18	1304	Số lượng thuê bao điện thoại	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
19	1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
20	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.
21	1602	Tỷ số tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống	Tổng cục Thống kê
22	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi	Tổng cục Thống kê
23	1605	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Bộ Y tế
24	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	Bộ Y tế
25	1802	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
26	1805	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Bộ Xây dựng
27	1808	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê
28	2002	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
29	2011	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

9. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA TƯƠNG ỨNG BỘ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG, BỘ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TOÀN CẦU

9.1. Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng bộ chỉ tiêu phát triển công nghệ thông tin và truyền thông (IDI)

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 5 chỉ tiêu	
1	1307	Số thuê bao truy nhập Internet băng rộng	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
2	1310	Dung lượng băng thông Internet quốc tế	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
3	1313	Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính	Tổng cục Thống kê
4	1315	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	Bộ Thông tin và Truyền thông
5	1318	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	Tổng cục Thống kê

9.2. Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng bộ chỉ tiêu đánh giá đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII)

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 3 chỉ tiêu	
1	1313	Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính	Tổng cục Thống kê
2	1315	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	Bộ Thông tin và Truyền thông
3	1318	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	Tổng cục Thống kê

10. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ÁNH KINH TẾ XANH, TĂNG TRƯỞNG XANH

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 24 chỉ tiêu	
1	0101	Diện tích và cơ cấu đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	0102	Dân số, mật độ dân số	Tổng cục Thống kê
3	0107	Tỷ lệ tăng dân số	Tổng cục Thống kê
4	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
5	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê
6	0205	Tỷ lệ thiếu việc làm	Tổng cục Thống kê
7	0206	Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức	Tổng cục Thống kê
8	0207	Năng suất lao động	Tổng cục Thống kê
9	0503	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
10	0504	Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người	Tổng cục Thống kê
11	0512	Mức tiêu hao và tăng/giảm mức tiêu hao năng lượng cho sản xuất so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
12	0513	Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)	Tổng cục Thống kê
13	0514	Tỷ trọng đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung	Tổng cục Thống kê
14	0715	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
15	0807	Diện tích rừng trồng mới tập trung	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
16	1801	Chỉ số phát triển con người (HDI)	Tổng cục Thống kê
17	1802	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
18	1807	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê
19	1808	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
20	2001	Diện tích rừng hiện có	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
21	2002	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
22	2003	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
23	2006	Diện tích đất bị thoái hoá	Bộ Tài nguyên và Môi trường
24	2011	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

11. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ẢNH KINH TẾ TUẦN HOÀN

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 5 chỉ tiêu	
1	0814	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả và bền vững	Tổng cục Thống kê
2	2007	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Công thương; Bộ Y tế
3	2008	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Bộ Tài nguyên và Môi trường
4	2009	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Khoa học và Công nghệ
5	2010	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Bộ Công Thương

12. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ẢNH KINH TẾ BAO TRÙM

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 7 chỉ tiêu	
1	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
2	0203	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	- Tổng cục Thống kê; - Bộ Lao động - Thương bình và Xã hội
3	0207	Năng suất lao động	Tổng cục Thống kê
4	0504	Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người	Tổng cục Thống kê
5	1601	Số bác sĩ, số giường bệnh trên mười nghìn dân	Bộ Y tế
6	1801	Chỉ số phát triển con người (HDI)	Tổng cục Thống kê
7	1804	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini)	Tổng cục Thống kê

13. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ẢNH MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 12 chỉ tiêu	
1	2001	Diện tích rừng hiện có	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	2002	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	2003	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	2004	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
5	2005	Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
6	2006	Diện tích đất bị thoái hoá	Bộ Tài nguyên và Môi trường
7	2007	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Công thương; Bộ Y tế
8	2008	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Bộ Tài nguyên và Môi trường
9	2009	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Khoa học và Công nghệ
10	2010	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Bộ Công Thương
11	2011	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương
12	2012	Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ PM _{2,5} và PM ₁₀ trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên	Bộ Tài nguyên và Môi trường

14. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ẢNH VÙNG, LIÊN KẾT VÙNG

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 130 chỉ tiêu	
1	0102	Dân số, mật độ dân số	Tổng cục Thống kê
2	0103	Tỷ số giới tính khi sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Y tế
3	0104	Tỷ suất sinh thô	Tổng cục Thống kê
4	0105	Tổng tỷ suất sinh	Tổng cục Thống kê
5	0106	Tỷ suất chết thô	Tổng cục Thống kê
6	0107	Tỷ lệ tăng dân số	Tổng cục Thống kê
7	0108	Tỷ suất nhập cư, xuất cư, tỷ suất di cư thuần	Tổng cục Thống kê
8	0109	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tổng cục Thống kê
9	0110	Tỷ lệ người khuyết tật	Tổng cục Thống kê
10	0111	Số cuộc kết hôn và tuổi kết hôn trung bình lần đầu	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp
11	0112	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Y tế.
12	0113	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử	- Chủ trì: Bộ Tư pháp; - Phối hợp: Bộ Công an, Bộ Y tế.
13	0114	Tỷ lệ đô thị hóa	Bộ Xây dựng
14	0201	Lực lượng lao động	Tổng cục Thống kê
15	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
16	0203	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	- Tổng cục Thống kê; - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
17	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê
18	0205	Tỷ lệ thiếu việc làm	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
19	0206	Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức	Tổng cục Thống kê
20	0209	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng	Ban Tổ chức Trung ương Đảng
21	0301	Số cơ sở, số lao động trong các cơ sở kinh tế	Tổng cục Thống kê
22	0302	Số cơ sở, số lao động trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp	Bộ Nội vụ
23	0303	Số hộ, số lao động kinh tế cá thể tham gia hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Tổng cục Thống kê
24	0304	Số doanh nghiệp, lao động, nguồn vốn, tài sản, doanh thu, thu nhập, lợi nhuận của doanh nghiệp	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tài chính.
25	0305	Trang bị tài sản cố định bình quân một lao động của doanh nghiệp	Tổng cục Thống kê
26	0306	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp	Tổng cục Thống kê
27	0401	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Tài chính
28	0405	Diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Xây dựng.
29	0406	Số lượng nhà ở, tổng diện tích nhà ở hiện có và sử dụng	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Xây dựng.
30	0407	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Xây dựng.
31	0408	Tổng diện tích nhà ở theo dự án hoàn thành trong năm	- Chủ trì: Bộ Xây dựng - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
32	0409	Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm	- Chủ trì: Bộ Xây dựng - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
33	0501	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
34	0503	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
35	0504	Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người	Tổng cục Thống kê
36	0515	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của dịch vụ logistics trong tổng sản phẩm trong nước	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Giao thông vận tải
37	0516	Chi phí logistics so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
38	0604	Chi ngân sách nhà nước và cơ cấu chi	Bộ Tài chính
39	0705	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
40	0706	Tốc độ tăng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
41	0713	Số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
42	0714	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	Tổng cục Thống kê
43	0715	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
44	0716	Thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
45	0801	Diện tích cây hàng năm	Tổng cục Thống kê
46	0802	Diện tích cây lâu năm	Tổng cục Thống kê
47	0803	Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu	Tổng cục Thống kê
48	0804	Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu	Tổng cục Thống kê
49	0805	Số gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
50	0806	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Tổng cục Thống kê
51	0807	Diện tích rừng trồng mới tập trung	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
52	0808	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
53	0809	Diện tích thu hoạch thủy sản	Tổng cục Thống kê
54	0810	Sản lượng thủy sản	Tổng cục Thống kê
55	0811	Số lượng tàu khai thác thủy sản biển có động cơ	Tổng cục Thống kê
56	0813	Tỷ lệ mất an ninh lương thực	Tổng cục Thống kê
57	0814	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả và bền vững	Tổng cục Thống kê
58	0901	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Tổng cục Thống kê
59	0908	Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp	- Chủ trì: Bộ Công thương; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
60	1001	Doanh thu bán lẻ hàng hoá	Tổng cục Thống kê
61	1002	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Tổng cục Thống kê
62	1003	Doanh thu dịch vụ khác	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ, ngành có quản lý dịch vụ
63	1005	Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại	Bộ Công Thương
64	1006	Trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	- Chủ trì: Bộ Tài chính - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
65	1101	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ	Tổng cục Thống kê
66	1102	Chỉ số lạm phát cơ bản	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
67	1103	Chỉ số giá sinh hoạt theo không gian	Tổng cục Thống kê
68	1104	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất	Tổng cục Thống kê
69	1105	Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ	Tổng cục Thống kê
70	1201	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tổng cục Thống kê
71	1202	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
72	1203	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
73	1304	Số lượng thuê bao điện thoại	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
74	1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
75	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.
76	1307	Số thuê bao truy nhập Internet băng rộng	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
77	1308	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
78	1309	Số thương nhân có giao dịch thương mại điện tử	Bộ Công thương
79	1311	Doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
80	1313	Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính	Tổng cục Thống kê
81	1314	Tỷ lệ người sở hữu điện thoại di động	Tổng cục Thống kê
82	1315	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	Bộ Thông tin và Truyền thông
83	1318	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	Tổng cục Thống kê
84	1319	Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Bộ Thông tin và Truyền thông
85	1320	Số dịch vụ hành chính công có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Bộ Thông tin và Truyền thông
86	1321	Tỷ lệ người Việt Nam tham gia mạng xã hội	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
87	1322	Tỷ lệ người Việt Nam đọc báo, tạp chí	Bộ Thông tin và Truyền thông
88	1401	Số tổ chức khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
89	1406	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ - Phối hợp: Tổng cục Thống kê; Bộ Tài chính
90	1501	Số học sinh phổ thông bình quân một giáo viên	Bộ Giáo dục và Đào tạo
91	1502	Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học	Bộ Giáo dục và Đào tạo
92	1503	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	- Chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
93	1504	Số sinh viên đại học trên mười nghìn dân	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Giáo dục và Đào tạo.
94	1601	Số bác sĩ, số giường bệnh trên mười nghìn dân	Bộ Y tế

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
95	1603	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi	Tổng cục Thống kê
96	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi	Tổng cục Thống kê
97	1605	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Bộ Y tế
98	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	Bộ Y tế
99	1607	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế
100	1608	Số ca tử vong do HIV/AIDS được báo cáo hàng năm trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế
101	1609	Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa	Bộ Y tế
102	1703	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	Tổng cục Thống kê
103	1706	Số lượt khách du lịch nội địa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
104	1708	Chỉ tiêu của khách du lịch nội địa	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
105	1802	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
106	1803	Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
107	1804	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini)	Tổng cục Thống kê
108	1805	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Bộ Xây dựng
109	1806	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
110	1807	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
111	1808	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê
112	1901	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Bộ Công an
113	1902	Số vụ cháy, nổ; số người chết, bị thương và thiệt hại về tài sản do cháy, nổ gây ra	Bộ Công an
114	1903	Số vụ sự cố, số vụ tai nạn, số người cứu được, số thi thể nạn nhân tìm được trong hoạt động của lực lượng phòng cháy và chữa cháy	Bộ Công an
115	1904	Hệ số an toàn giao thông đường bộ	Bộ Công an
116	1905	Số vụ án, số bị can đã khởi tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
117	1906	Số vụ án, số bị can đã truy tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
118	1908	Tỷ lệ dân số bị bạo lực	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
119	1909	Số lượt người đã được trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp
120	2001	Diện tích rừng hiện có	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
121	2002	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
122	2003	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
123	2004	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
124	2005	Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
125	2006	Diện tích đất bị thoái hoá	Bộ Tài nguyên và Môi trường
126	2007	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Công thương; Bộ Y tế

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
127	2008	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Bộ Tài nguyên và Môi trường
128	2009	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Khoa học và Công nghệ
129	2010	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Bộ Công Thương
130	2012	Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ PM _{2,5} và PM ₁₀ trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên	Bộ Tài nguyên và Môi trường

15. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA LIÊN QUAN ĐẾN TRẺ EM

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 11 chỉ tiêu	
1	0102	Dân số, mật độ dân số	Tổng cục Thống kê
2	0104	Tỷ suất sinh thô	Tổng cục Thống kê
3	0110	Tỷ lệ người khuyết tật	Tổng cục Thống kê
4	0112	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Y tế.
5	1603	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi	Tổng cục Thống kê
6	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi	Tổng cục Thống kê
7	1605	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Bộ Y tế
8	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	Bộ Y tế
9	1607	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế
10	1608	Số ca tử vong do HIV/AIDS được báo cáo hàng năm trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế
11	1803	Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê